

**DANH SÁCH PHÂN CÔNG GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA CUỐI KỲ I**  
**NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**(Thời gian từ ngày 21/12/2024 đến ngày 09/01/2025)**

STT	Họ và tên		Số tiết đã coi	Số tiết speaking	Tiết 5, thứ Bảy (21/12)	Tiết 5, thứ Hai (23/12)	Tiết 5, thứ Hai (30/12)	Thứ Ba, ngày 07/01/2025		Thứ Tư, ngày (08/01/2025)		Thứ Năm, (09/01/2025) ngày			Số tiết BQ tính đến HK1
					Khối 10,11,12	Khối 10,11,12	Khối 10,11	Khối 11,12 (Sáng)	Khối 10 (Chiều)	Khối 11,12 (Sáng)	Khối 10 (Chiều)	Khối 11	Khối 10 (Từ 9h)	Khối 12	
1	Bùi Thị Phương	Nhung	13		X-1	X-1	X-1	X-3.33		X-3	X-3			X-3.33	14,33
2	Lê Thị Hữu	Hạnh	17		X-1		X-1	X-3.33			X-3			X-3.33	14,33
3	Nguyễn Thị Mỹ	Hàng	13		X-1	X-1	X-1	X-3.33		X-3	X-3			X-3.33	14,33
4	Nguyễn Thị Lệ	Thanh	16,6			X-1	X-1			X-3	X-3	X-2	X-2		14,30
5	Nguyễn Thị	Hiền	12,66		X-1	X-0.67	X-1	X-3.33		X-3	X-3	X-2	X-2		14,33
6	Đặng Thị	Lý	12,99		X-1	X-1	X-1	PT buổi KT		X-3	X-3			X-3.33	14,33
7	Hoàng Thị Hồng	Phúc	13,66				X-1	X-3.33	X-3.33		X-3	X-2	X-2		14,16
8	Nguyễn Thị Hoài	Thu	12,66		X-1	X-0.67	X-1	X-3.33		X-3	X-3	X-2	X-2		14,33
9	Vũ Thị Minh	Phương	13,99		X-1			X-3.33	X-3.33	X-3.11		X-2	X-2		14,38
10	Trần Thị Phương	Uyên	13,33		X-1	X-0.67		X-3.33	X-3.33	X-3.11		X-2	X-2		14,39
11	Đỗ Thị Hồng	Thúy	13,33		X-1	X-0.67		X-3.33	X-3.33	X-3		X-2	X-2		14,33
12	Lê Thị	Hạnh	13,66			X-1	X-1	X-3.33	X-3.33	PT buổi KT				X-3.33	14,38
13	Trần Thị	Ngân	12,33		X-1	X-0.67		X-3.33	X-3.33	X-3.11	X-3		X-2		14,39
14	Phạm Đức	Mậu	13,32			X-1	X-1		X-3.33	X-3.11	X-3	X-2	X-2		14,38
15	Lưu Như	Mười	13,66		X-1	X-0.67		X-3.33	X-3.33	X-3		X-2	X-2		14,50
16	Đinh Anh	Tuyên	13,33			X-1	X-1	X-3.33	X-3.33	X-3		X-2	X-2		14,50
17	Nguyễn Đức	Trung	13,33		X-1	X-0.67	X-1	X-3.33		X-3.11	X-3			X-3.33	14,39
18	Nguyễn Văn	Ba	13,66		X-1	X-1		X-3.33	X-3.33	X-3.11				X-3.33	14,38
19	Trương Đức	Tài	12,66		X-1	X-1	X-1	X-3.33	X-3.33	X-3.11				X-3.33	14,38
20	Nguyễn Thị	Chiến	13,66		X-1	X-0.67		X-3.33	X-3.33		PT buổi KT	X-2	X-2		14,50
21	Đặng Thị	Khuyên	13,66			X-1	X-1	X-3.33		X-3	X-3	X-2	X-2		14,50
22	Mai Văn	Tuấn	13,33		X-1	X-0.67	X-1	X-3.33		X-3.11	X-3			X-3.33	14,39
23	Trần Thị Ngọc	Hà	13,99		X-1	X-1		X-3.33	X-3.33	X-3				X-3.33	14,49
24	Đỗ Thị Ngọc	Liên	13,99		X-1	X-1	X-1	X-3.33	X-3.33		X-3		X-2		14,33
25	Phạm Quang	Tâm	13,99		X-1	X-1	X-1	X-3.33	X-3.33	X-3.11			X-2		14,38
26	Nguyễn Bá	Hào	13,32		X-1	X-0.67	X-1	X-3.33	PT buổi KT	X-3				X-3.33	14,49
27	Nguyễn Thị Mỹ	Liên	12,66		X-1	X-0.67	X-1	X-3.33	X-3.33		X-3	X-2	X-2		14,50
28	Lê Thị	Xinh	14,66		X-1	X-0.67	X-1	X-3.33		X-3.11	X-3		X-2		14,39
29	Trương Thị Hồng	Phương	13,33		X-1	X-1		X-3.33		X-3.11	X-3	X-2	X-2		14,39
30	Đinh Thị Lệ	Quyên	13,66	4,2		X-0.67		X-1.33	X-3.33	X-3				X-3.33	14,76
31	Lê Thị Cẩm	Hồng	13,99	17,6				X-1.33	X-1.33						17,13

STT	Họ và tên		Số tiết đã coi	Số tiết speaking	Tiết 5, thứ Bảy (21/12)	Tiết 5, thứ Hai (23/12)	Tiết 5, thứ Hai (30/12)	Thứ Ba, ngày 07/01/2025		Thứ Tư, ngày 08/01/2025		Thứ Năm, ngày (09/01/2025)			Số tiết BQ tính đến HK1
					Khối 10,11,12	Khối 10,11,12	Khối 10,11	Khối 11,12 (Sáng)	Khối 10 (Chiều)	Khối 11,12 (Sáng)	Khối 10 (Chiều)	Khối 11	Khối 10 (Từ 9h)	Khối 12	
32	Nguyễn Thị	Huệ	13,99	18,9				X-1.33							17,11
33	Lưu Thị	Lý	13,99	4,9	X-1	X-0.67		X-1.33	X-1.33	X-3				X-3.33	14,78
34	Vũ Minh	Toàn	13,66	17,4				X-1.33							16,20
35	Ngô Hồng	Xoan	17,33	16,4		PT buổi KT		X-1.33	X-1.33						18,70
36	Lê Tuyết	Sương	13,32		X-1	X-1		X-3.33		X-3.11	X-3	X-2	X-2		14,38
37	Nguyễn Đức	Trí	0		X-1	X-1		X-3.33	X-3.33	X-3	X-3			X-3.33	9,00
38	Trần Thị Cẩm	Hương	17,33		X-1				X-3.33	X-3.11		PT buổi KT			14,39
39	Nguyễn Thị Thu	Hường	12,66		X-1			X-3.33	X-3.33	X-3.11	X-3		X-2		14,22
TỔNG					28	31	20	35	25	30	21	16	20	14	

Ghi chú: Thời gian bắt đầu vào phòng KT các buổi KTTT

- Sáng từ 07 giờ 15 phút.
- Chiều từ 13 giờ 45 phút.

5 nghe 4 nghe

